

# Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (VHC: HOSE)



**TRUNG LẬP – Giá mục tiêu 1 năm: 63.000 đồng/cp**

Giá hiện tại (Ngày 24/02/2023): 59.600 đồng/cp

**Trần Thùy Trang, ACA**

[trangtt2@ssi.com.vn](mailto:trangtt2@ssi.com.vn)

+84 24 3936 6321 ext. 8705

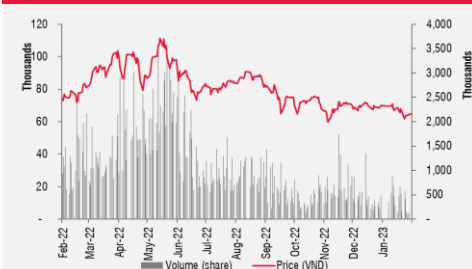
Ngày 24/02/2023

## NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG

### Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD)	462
Giá trị vốn hoá (tỷ VND)	11.003
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	183
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	118/58,9
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	506.907
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	1,46
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	34,7
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	30,23
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	0

### Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

### Thông tin cơ bản về công ty

VHC là nhà xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Công ty đã tăng trưởng và trở thành nhà xuất khẩu hàng đầu Việt Nam từ năm 2010. Hoạt động kinh doanh chính của VHC là xuất khẩu cá tra phi lê đông lạnh và sản xuất các loại phụ phẩm và sản phẩm về cá. VHC là một trong số ít những công ty thủy sản Việt Nam có chuỗi cung ứng tích hợp sở hữu toàn bộ chuỗi giá trị từ nuôi trồng, sản xuất thức ăn thủy sản, chế biến, sản xuất cá đông lạnh và lưu trữ kho lạnh. Công ty tập trung mở rộng kinh doanh thủy sản bằng việc mua lại Công ty Xuất nhập khẩu Vạn Đức Tiền Giang.

## CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH Q4/2022

### Lợi nhuận tiếp tục suy yếu

**Luận điểm đầu tư:** Trong Q4.2022, doanh thu thuần và lợi nhuận ròng giảm lần lượt là -7,8% và -58,2% so với cùng kỳ – thấp hơn rất nhiều so với ước tính của chúng tôi do giá bán cá tra bình quân tiếp tục suy giảm mạnh. Trong ngắn hạn, chúng tôi vẫn kỳ vọng xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ đóng vai trò là động lực tăng trưởng cho ngành, trong khi xuất khẩu sang các thị trường lớn khác như Mỹ và Châu Âu vẫn chưa có nhiều cải thiện. Trong năm 2023, chúng tôi dự báo VHC sẽ đạt doanh thu thuần và lợi nhuận lần lượt là 11,1 nghìn tỷ đồng (-16% so với cùng kỳ) và 1,4 nghìn tỷ đồng (-28% so với cùng kỳ). Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 1 năm cho cổ phiếu VHC là **63.000 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá là 6%), và lập lại khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu VHC.

tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	7.867	7.037	9.054	13.239	11.124
Lợi nhuận ròng	1.179	719	1.101	1.977	1.442
Tăng trưởng LN ròng (% YoY)	-18,2%	-39,0%	53,1%	79,5%	-27,0%
EPS (VND)	6.371	4.277	6.052	10.865	7.928
ROE (%)	26,5%	14,3%	20,1%	29,7%	17,7%
Tỷ suất cổ tức (%)	0,0%	4,8%	3,2%	2,9%	3,4%
Nợ/VCSH (%)	0,18	0,23	0,32	0,31	0,23
P/E (x)	6,22	9,68	10,38	6,42	7,52
P/B (x)	1,5	1,47	2,05	1,71	1,27
EV/EBITDA (x)	4,28	7,04	7,43	4,69	4,96

Nguồn: VHC, SSI Research

## Cập nhật thị trường

Chúng tôi xin lưu ý về giá bán bình quân, đặc biệt là giá bán bình quân sang Trung Quốc đã có dấu hiệu cải thiện sau kỳ nghỉ Tết. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ chung sang các thị trường vẫn yếu và sụt giảm đáng kể.

Theo VASEP, kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam trong tháng 1/2023 đạt 83,6 triệu USD (-61% so với cùng kỳ và -44% so với quý trước). Kim ngạch xuất khẩu sang tất cả các thị trường đều giảm, trong đó xuất khẩu sang Mỹ giảm -81% so với cùng kỳ. Sản lượng xuất khẩu sang Mỹ giảm 76% so với cùng kỳ và giảm 44% so với tháng trước. Giá bán bình quân xuất khẩu sang Mỹ đạt 2,97 USD/kg trong tháng 1/2023 (-34% so với cùng kỳ; đi ngang so với tháng trước). Xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 62% so với cùng kỳ và giảm 70% so với tháng trước. Mặc dù số liệu tháng 1/2023 bị tác động do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán sớm hơn thường lệ (hầu hết các công ty chỉ hoạt động trong nửa tháng) nhưng vẫn phản ánh nhu cầu suy yếu tại các thị trường xuất khẩu. Các thị trường xuất khẩu có lạm phát cao và mức tồn kho giá cao có áp lực rất lớn vào cuối năm.

Trong tháng 1/2023, VHC cũng ghi nhận doanh thu cá tra giảm 44% so với cùng kỳ, thấp hơn nhẹ so với doanh thu toàn thị trường. Doanh thu xuất khẩu sang Mỹ giảm 65% so với cùng kỳ, trong khi doanh thu xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 22% so với cùng kỳ từ mức nền thấp của năm trước và giảm 27% so với tháng trước.

Trong nửa đầu tháng 2/2023 (không có ngày làm việc do nghỉ Tết), sản lượng xuất khẩu sang Mỹ tiếp tục giảm 33% so với cùng kỳ và kim ngạch xuất khẩu giảm 55% so với cùng kỳ. Giá bán bình quân xuất khẩu sang Mỹ giảm xuống 2,8 USD/kg (-37% so với cùng kỳ, 6% so với tháng trước). Trong khi đó, sản lượng xuất khẩu sang Trung Quốc tăng gấp đôi và kim ngạch xuất khẩu tăng 76%. Giá bán trung bình sang Trung Quốc đạt 2,5 USD/kg (tương đương năm trước và tăng 10% so với tháng trước).

## KQKD Q4.2022

Tỷ đồng	4Q22	4Q21	YoY	3Q22	QoQ	TSLN		
						4Q22	4Q21	3Q22
Doanh thu thuần	2.484	2.693	-7,8%	3.261	-23,8%			
Lợi nhuận gộp	474	639	-25,8%	625	-24,1%	19,1%	23,7%	19,2%
Lợi nhuận hoạt động	474	639	-25,8%	538	-11,8%	19,1%	23,7%	16,5%
EBIT	266	551	-51,7%	571	-53,4%	10,7%	20,5%	17,5%
EBITDA	357	624	-42,8%	654	-45,4%	14,4%	23,2%	20,0%
LNTT	233	542	-57,0%	546	-57,3%	9,4%	20,1%	16,7%
LNST	200	461	-56,7%	460	-56,6%	8,0%	17,1%	14,1%
LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ	190	455	-58,2%	450	-57,8%	7,6%	16,9%	13,8%

Nguồn: VHC, SSI Research

Tỷ đồng	2022	2021	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	TSLN	
					2022	2021
Doanh thu thuần	13.239	9.054	46,2%	102%		
Lợi nhuận gộp	2.974	1.752	69,7%		22,5%	19,4%
Lợi nhuận hoạt động	2.332	1.256	85,7%		17,6%	13,9%
EBIT	2.418	1.323	82,8%		18,3%	14,6%
EBITDA	2.745	1.608	70,7%		20,7%	17,8%
LNTT	2.320	1.288	80,2%		17,5%	14,2%
LNST	2.015	1.110	81,5%	124%	15,2%	12,3%
LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ	1.977	1.101	79,5%		14,9%	12,2%

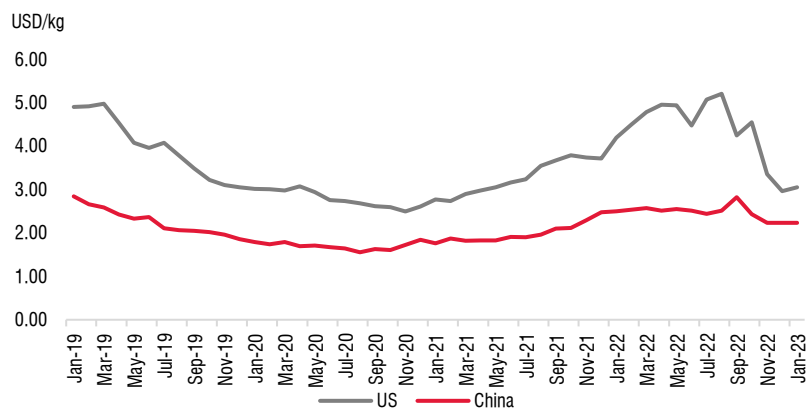
Nguồn: VHC, SSI Research

Trong Q4.2022, VHC đạt doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 2,5 nghìn tỷ đồng (-7,8% so với cùng kỳ) và 200 tỷ đồng (-58,2% so với cùng kỳ), thấp hơn so với ước tính của chúng tôi do giá bán cá tra bình quân giảm nhanh hơn dự báo. Tuy nhiên, lũy kế cả năm 2022 ghi nhận kết quả tốt hơn với doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 13,2 nghìn tỷ đồng (+46% so với cùng kỳ) và 2 nghìn tỷ đồng (+82% so với cùng kỳ) – đây là kết quả lợi nhuận ròng cao kỷ lục. Bất chấp Q4 đầy biến động, VHC đã hoàn thành lần lượt 102% và 124% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận ròng cả năm.

Theo ước tính của chúng tôi, **doanh thu cá tra** đạt 1,4 nghìn tỷ đồng (-21% so với cùng kỳ), trong khi giá bán bình quân đạt 3,6 USD/kg (-4% so với cùng kỳ) trong Q4.2022. So với Q3.2022, doanh thu và giá bán bình quân lần lượt giảm -35% và -25% so với quý trước. Điều này phản ánh sản lượng tiêu thụ giảm 15% so với cùng kỳ và giảm 10% so với quý trước, đồng thời phù hợp với nhu cầu yếu tại các nền kinh tế xuất khẩu lớn (đặc biệt là thị trường Mỹ), chiếm 70% tổng doanh thu cá tra trong năm 2022. Xuất khẩu cá tra của VHC sang Trung Quốc (chiếm 15% doanh thu) cũng giảm 61% so với cùng kỳ, trong khi xuất khẩu cá tra của Việt Nam sang Trung Quốc chỉ giảm 12% so với cùng kỳ. Điều này là do các sản phẩm của VHC vẫn có giá cao hơn so với mặt bằng chung cá tra mà Trung Quốc nhập khẩu.

**Tỷ suất lợi nhuận gộp:** Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 460 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống còn 19,1% do giá giảm trong khi chi phí thức ăn thủy sản tăng khoảng 15% so với cùng kỳ. VHC đã trích lập thêm 29 tỷ đồng chi phí dự phòng trong Q4.2022, trái ngược với khoản hoàn nhập 67 tỷ đồng trong Q4.2021.

#### Biểu đồ: Giá bán cá tra bình quân



Nguồn: Agromonitor, SSI Research

**Collagen và gelatin:** Doanh thu đạt 247 tỷ đồng trong Q4.2022 (+51% so với cùng kỳ và +31% so với quý trước), cho thấy khả năng phục hồi nhu cầu tốt hơn so với cá tra.

**Sa Giang (SGC):** Doanh thu giảm 4% so với cùng kỳ do tiêu thụ trong nước vẫn còn yếu trước áp lực lạm phát.

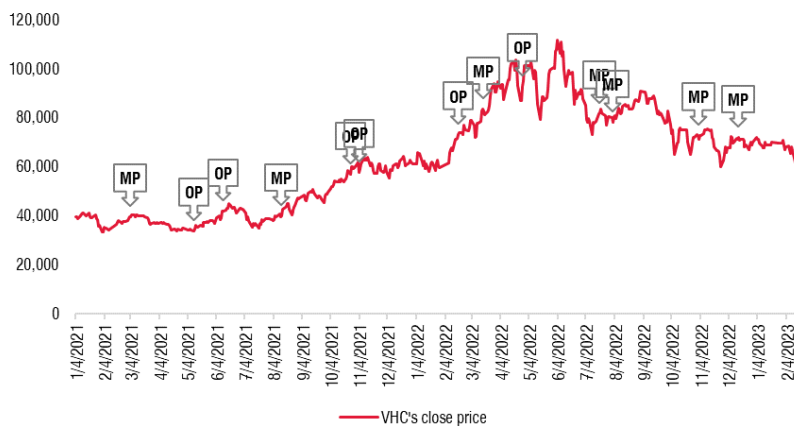
## Ước tính và định giá

Trong năm 2023, chúng tôi dự báo VHC sẽ đạt doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt là 11,1 nghìn tỷ đồng (-16% so với cùng kỳ) và 1,4 nghìn tỷ đồng (-27% so với cùng kỳ). Chúng tôi giả định sản lượng tiêu thụ sẽ ổn định và giá bán bình quân cá tra đạt 3,90 USD/kg (2022: 4,70 USD/kg) trong năm 2023. Chúng tôi kỳ vọng sản lượng xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ bù đắp một phần cho sự sụt giảm sản lượng xuất khẩu sang Mỹ trong nửa đầu năm 2023. Trong khi đó, giá bán bình quân bán sang Trung Quốc vẫn thấp hơn so với giá bán sang Mỹ khoảng 15%, cho thấy áp lực lên tỷ suất lợi nhuận gộp vẫn còn. Chúng tôi giả định chi phí thức ăn thủy sản giảm 13% so với cùng kỳ, giảm ít hơn đáng kể so với mức giảm giá bán bình quân. Do đó, chúng tôi kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận gộp sẽ giảm 260 điểm cơ bản trong năm 2023.

Với mức giá 59,600 đồng/cổ phiếu, VHC giao dịch với P/E 2023 là 7,5x. Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 1 năm đối với cổ phiếu VHC là **63.000 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá là 6%), và lặp lại khuyến nghị **TRUNG LẬP**.

**Quan điểm ngắn hạn:** Các chuyển động tích cực về sản lượng và giá bán của các đơn đặt hàng sang Trung Quốc sẽ khiến các cổ phiếu thủy sản khởi sắc trong ngắn hạn. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cho rằng cổ phiếu vẫn có nhiều biến động do dự báo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 tương đối yếu.

## Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: Bloomberg, SSI Research

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	41	195	554	657
+ Đầu tư ngắn hạn	1.374	1.272	1.767	1.844
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.689	2.134	2.432	2.803
+ Hàng tồn kho	1.508	1.790	2.713	2.058
+ Tài sản ngắn hạn khác	124	150	172	144
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>4.735</b>	<b>5.542</b>	<b>7.638</b>	<b>7.507</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	1	1	3	2
+ GTCL Tài sản cố định	1.808	2.070	2.823	3.516
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	384	556	566	566
+ Đầu tư dài hạn	62	66	66	66
+ Tài sản dài hạn khác	210	499	484	476
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>2.466</b>	<b>3.192</b>	<b>3.942</b>	<b>4.626</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>7.202</b>	<b>8.734</b>	<b>11.580</b>	<b>12.133</b>
+ Nợ ngắn hạn	1.941	2.667	3.694	3.156
Trong đó: vay ngắn hạn	1.106	1.723	2.214	1.871
+ Nợ dài hạn	85	185	191	192
Trong đó: vay dài hạn	69	168	175	178
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.026</b>	<b>2.852</b>	<b>3.884</b>	<b>3.348</b>
+ Vốn góp	1.834	1.834	1.834	1.834
+ Thặng dư vốn cổ phần	224	224	264	264
+ Lợi nhuận chưa phân phối	3.228	3.833	5.428	6.503
+ Quý khác	-110	-9	171	184
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>5.176</b>	<b>5.882</b>	<b>7.696</b>	<b>8.785</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>7.202</b>	<b>8.734</b>	<b>11.580</b>	<b>12.133</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	392	640	1.199	1.916
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-362	-856	-1.507	-1.107
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-75	370	669	-706
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>-46</b>	<b>154</b>	<b>361</b>	<b>104</b>
Tiền đầu kỳ	86	41	195	554
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>41</b>	<b>195</b>	<b>554</b>	<b>657</b>
<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,44	2,08	2,07	2,38
Hệ số thanh toán nhanh	1,6	1,35	1,29	1,68
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,73	0,55	0,63	0,79
Nợ ròng / EBITDA	-0,46	0,06	0,09	-0,09
Khả năng thanh toán lãi vay	21,91	38,11	24,83	17,32
Ngày phải thu	69,9	64,5	55,8	75
Ngày phải trả	18,4	16,6	13,9	17,1
Ngày tồn kho	88,5	82,4	80,1	97,7
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,72	0,67	0,66	0,72
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,28	0,33	0,34	0,28
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,48	0,5	0,38
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,32	0,31	0,23
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,29	0,29	0,21

Nguồn: VHC, SSI Research

Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>7.037</b>	<b>9.054</b>	<b>13.239</b>	<b>11.124</b>
Giá vốn hàng bán	-6.022	-7.302	-10.266	-8.910
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.015</b>	<b>1.752</b>	<b>2.974</b>	<b>2.214</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	227	201	459	203
Chi phí tài chính	-101	-107	-396	-169
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-171	-344	-423	-334
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-148	-212	-298	-245
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>821</b>	<b>1.290</b>	<b>2.317</b>	<b>1.670</b>
Thu nhập khác	-18	-2	4	3
Lợi nhuận trước thuế	803	1.288	2.320	1.673
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>719</b>	<b>1.110</b>	<b>2.015</b>	<b>1.456</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>719</b>	<b>1.101</b>	<b>1.977</b>	<b>1.442</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	9	38	13
EPS cơ bản (VND)	3.953	6.052	10.865	7.928
Giá trị sổ sách (VND)	28.038	30.464	40.547	46.484
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.000	2.000	2.000	2.000
EBIT	842	1.323	2.418	1.775
EBITDA	1.044	1.608	2.745	2.113
<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu	-10,5%	28,7%	46,2%	-16,0%
EBITDA	-31,9%	54,0%	70,7%	-23,0%
EBIT	-38,5%	57,1%	82,8%	-26,6%
Lợi nhuận ròng	-39,0%	54,3%	81,5%	-27,7%
Vốn chủ sở hữu	6,1%	13,6%	30,8%	14,1%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	8,9%	21,3%	32,6%	4,8%
<b>Định giá</b>				
PE	9,7	10,4	6,4	7,5
PB	1,5	2	1,7	1,3
Giá/Doanh thu	10,8	12,7	9,7	9,8
Tỷ suất cổ tức	4,8%	3,2%	2,9%	3,4%
EV/EBITDA	7	7,4	4,7	5,0
EV/Doanh thu	1	1,3	1	0,9
<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	14,4%	19,4%	22,5%	19,9%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	10,8%	13,8%	17,6%	15,1%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	10,2%	12,3%	15,2%	13,1%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	2,4%	3,8%	3,2%	3,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,1%	2,3%	2,3%	2,2%
ROE	14,3%	20,1%	29,7%	17,7%
ROA	10,4%	13,9%	19,8%	12,3%
ROIC	12,5%	16,1%	23,5%	14,8%

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

### Vĩ mô

#### Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

#### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích Định lượng

#### Đỗ Nam Tùng

Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng

tungdn@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

### Phân tích cổ phiếu KHCN

#### Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp

thanhntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

tranglh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

### Phân tích Ngành Thủy sản

#### Trần Thùy Trang

Chuyên viên phân tích cao cấp

trangtt2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8705

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Trọng Đình Tâm

Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư

tamntd@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

### Dữ liệu

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715